TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 324/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn giữa
anh S và chị T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dẫm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Kim Linh

2. Ông Nguyễn Hoàng Tam

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu không tham gia phiên tòa:

Ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 344/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 và Quyết định về việc phân công lại người tiến hành tố tụng số 367/2018/QĐ.CA ngày 29/8/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Đỗ Hoàng S**, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Tổ 12, khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Tổ 12, khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai về việc ly hôn đề ngày 21/02/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Đỗ Hoàng S trình bày:

- *Về hôn nhân*: Năm 2010, anh và chị Trần Thị T kết hôn nhau, có tổ chức lễ cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 có 01 con chung tên Đỗ Hoàng H, sinh ngày 06/7/2011. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn và có xin ly hôn được giải quyết bằng quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 64/2013/QĐST- HNGĐ ngày 08/3/2013 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu.

Đến năm 2014 anh S và chị T tái hợp sống chung nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn (theo giấy chứng nhận kết hôn số 21/2015, quyển số I/2015 ngày 11/3/2015 do UBND phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu cấp cho anh Đỗ Hoàng S và chị Trần Thị T) và có sinh một con chung tên Đỗ Minh T, sinh ngày 31/01/2015. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn với chị T.

- *Về con chung*: Có 02 (hai) con chung tên Đỗ Hoàng H, sinh ngày 06/7/2011 hiện đang sống chung với mẹ là chị Trần Thị T; cháu Đỗ Minh T, sinh ngày 31/01/2015 hiện đang sống chung với cha là anh Đỗ Hoàng S. Khi ly hôn anh S yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Đỗ Minh T. Anh S đồng ý giao cháu Đỗ Hoàng H cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh S không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu T và anh cũng không cấp dưỡng nuôi cháu H.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 07/5/2018, bị đơn chị Trần Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày trên của anh S về quan hệ hôn nhân, sau khi ly hôn vào năm 2013, anh S và chị T sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 02/2016 thì có xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 02/2016 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng ý kiến. Nay anh S xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn với anh S.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Đỗ Hoàng H, sinh ngày 06/7/2011 hiện đang sống chung với mẹ là chị Trần Thị T; cháu Đỗ Minh T, sinh ngày 31/01/2015 hiện đang sống chung với cha là anh Đỗ Hoàng S. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Đỗ Hoàng H. Chị T đồng ý giao cháu Đỗ Minh T cho

anh S được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi cháu H và chị cũng không cấp dưỡng nuôi cháu T.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị T có đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh Đỗ Hoàng S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Anh Đỗ Hoàng S có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị T, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 12, khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, anh Đỗ Hoàng S và chị Trần Thị T thống nhất chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ngoài ra, anh Sơn và chị Thủy thống nhất về con chung và tài sản chung. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử nhận định đây là những tình tiết không phải chứng minh. Bị đơn chị Trần Thị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Về hôn nhân: Năm 2010, anh S và chị Trần Thị T kết hôn nhau, đến năm 2011 có 01 con chung tên Đỗ Hoàng H, sinh ngày 06/7/2011. Năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn và có xin ly hôn được giải quyết bằng quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 64/2013/QĐST- HNGĐ ngày 08/3/2013 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu.

Đến năm 2014 anh S và chị T tái hợp sống chung nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (theo giấy chứng nhận kết hôn số 21/2015, quyển số I/2015 ngày 11/3/2015 do UBND phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu cấp cho anh Đỗ Hoàng S và chị Trần Thị T). Tại thời điểm kết hôn anh S và chị T có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là

hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, anh S và chị T chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn với chị T và chị T đồng ý ly hôn với anh S. Hội đồng xét xử nhận thấy sự thỏa thuận ly hôn của anh S và chị T không trái pháp luật nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Hoàng S và chị Trần Thị T.

[3] Về nuôi con chung: Anh Đỗ Hoàng S và chị Trần Thị T có 02 con chung tên: Đỗ Hoàng H, sinh ngày 06/7/2011 chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng và Đỗ Minh T, sinh ngày 31/01/2015 anh S đang trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S và chị T thỏa thuận thống nhất giao con chung là cháu Đỗ Hoàng H, sinh ngày 06/7/2011 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng và cháu Đỗ Minh T, sinh ngày 31/01/2015 cho anh S được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh S và chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cháu Đỗ Hoàng H, sinh ngày 06/7/2011 đã đủ 07 tuổi, theo quy định pháp luật phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, do cháu H vắng mặt không ghi nhận được ý kiến. Căn cứ sự thỏa thuận việc nuôi con giữa anh S và chị T nhằm đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận việc thỏa thuận nuôi con chung của anh S và chị T

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo trình bày của anh S, chị T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Hoàng S chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, các Điều 81, 82, 83

và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Hoàng S và chị Trần Thị T.

2. *Về nuôi con chung*: Có có 02 con chung tên Đỗ Hoàng H, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2011 chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng và Đỗ Minh T, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2015 anh S đang trực tiếp nuôi dưỡng. Công nhận sự thỏa thuận giữa anh S và chị T giao cháu Đỗ Hoàng H, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2011 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và giao cháu Đỗ Minh Th, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2015 cho anh S được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh Đỗ Hoàng S và chị Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh S và chị T tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhau trong việc đến thăm nom, chăm sóc con chung cho nhau, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, anh S và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Đỗ Hoàng S chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004465 ngày 28/02/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND phường Long Thạnh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phạm Hữu Dẫm